

Số 138<sup>A</sup> / QĐ-TTĐVVL

Hải Phòng, ngày 22 tháng 8 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của  
Trung tâm Dịch vụ việc làm Hải Phòng**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM HẢI PHÒNG**

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Quyết định số 15158/QĐ-SNV ngày 08/8/2025 của Sở Nội vụ thành phố Hải Phòng về việc phân bổ và giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025.*

*Xét đề nghị của phòng Tổ chức - Hành chính - Kế toán.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán nguồn Ngân sách Nhà nước năm 2025 của Trung tâm dịch vụ việc làm Hải Phòng (đính kèm biểu số 2).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Phụ trách Kế toán, Trưởng các phòng, ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Trung tâm;
- Như điều 3;
- Công khai trên cổng TT điện tử của TT;
- Lưu: VT, TH-TC.



**Tăng Tiến Sơn**

Trung tâm Dịch vụ việc làm Hải Phòng

Chương 435

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số 138/VQĐ-TTĐVVL ngày 24/8/2025 của TTĐVVL)

Đvt: Triệu đồng

| STT     | Nội dung                                                                                | Tổng dự toán giao |
|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| I       | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, hoạt động sự nghiệp                        | 100               |
| 1       | Số thu phí, lệ phí                                                                      | -                 |
| 1.1     | Lệ phí                                                                                  | -                 |
| 1.2     | Phí                                                                                     | -                 |
| 2       | Chi từ nguồn thu phí được để lại                                                        | -                 |
| 2.1     | Chi sự nghiệp                                                                           | -                 |
| 2.2     | Chi quản lý hành chính                                                                  | -                 |
| 3       | Số phí, lệ phí nộp NSNN                                                                 | -                 |
| 4       | Tổng số thu học phí, giá dịch vụ và thu khác                                            | 100               |
| II      | DỰ TOÁN CHI NSNN                                                                        | 12.454            |
| 1       | Chi quản lý hành chính                                                                  | 0                 |
| 1.1     | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                                                        | 0                 |
| 1.2     | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                                                  | 0                 |
| 2       | Nghiên cứu khoa học                                                                     | 0                 |
| 3       | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề                                               | 6.654             |
| 3.1     | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                                          | 6.654             |
| 3.1.1   | - Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ                                                 | 5.866             |
|         | Đông Hải Phòng                                                                          | 0                 |
|         | Tây Hải Phòng (theo QĐ số 762/QĐ-UBND ngày 21/3/2025, QĐ số 1226/QĐ-SNV ngày 28/3/2025) | 5.866             |
|         | Kinh phí NS đặt hàng cung cấp DVSNC sử dụng kinh phí NSNN                               | 5.866             |
| 3.1.2   | - Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ                                           | 788               |
| 3.1.2.1 | Đông Hải Phòng                                                                          | 0                 |
| 3.1.2.2 | Tây Hải Phòng (theo QĐ số 762/QĐ-UBND ngày 21/3/2025, QĐ số 1226/QĐ-SNV ngày 28/3/2025) | 788               |
|         | KPNS giao nhiệm vụ cung cấp DVSNC sử dụng kinh phí NSNN                                 | 788               |
| 3.2     | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                                    | 0                 |

|       |                                                                                           |       |
|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| 4     | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình                                                    | 0     |
| 5     | Chi đảm bảo xã hội                                                                        | 5.800 |
| 5,1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                                            | 5.800 |
| 5.1.1 | Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ                                                     | 3.922 |
|       | Đồng Hải Phòng (theo QĐ số 1179/QĐ-UBND ngày 15/4/2025, QĐ số 2767/QĐ-SNV ngày 16/4/2025) | 3.922 |
|       | Tây Hải Phòng                                                                             | 0     |
| 5.1.2 | Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ                                               | 1.878 |
|       | Đồng Hải Phòng (theo QĐ số 1179/QĐ-UBND ngày 15/4/2025, QĐ số 2767/QĐ-SNV ngày 16/4/2025) | 1.878 |
|       | Tổ chức các phiên giao dịch việc làm                                                      | 1.700 |
|       | Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP                                           | 178   |
|       | Tây Hải Phòng                                                                             | 0     |
| 5,2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                                      | 0     |

Hải Phòng, ngày 22 tháng 8 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



GIÁM ĐỐC

*Trần Tiến Sơn*